

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 92/2011/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2011

NGHỊ ĐỊNH

**Về việc quy định về xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực bảo hiểm y tế**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 789
	Ngày: 20/10

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh số 44/2002/PL-UBTVQH10 ngày 02 tháng 7 năm 2002 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Xử lý vi phạm hành chính; Pháp lệnh số 04/2008/UBTVQH12 ngày 02 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh số 44/2002/PL-UBTVQH10 ngày 02 tháng 7 năm 2002 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Xử lý vi phạm hành chính;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về các hành vi vi phạm hành chính, hình thức và mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế (BHYT).

2. Hành vi vi phạm hành chính về BHYT là hành vi do cá nhân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật về BHYT mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử lý vi phạm hành chính.

3. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT, bao gồm:

a) Vi phạm các quy định về đóng BHYT và thu BHYT;

- b) Vi phạm các quy định về cấp, cấp lại, đổi thẻ và sử dụng thẻ BHYT;
- c) Vi phạm các quy định về tổ chức khám bệnh, chữa bệnh BHYT, công tác giám định BHYT;
- d) Vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng quỹ BHYT;
- đ) Vi phạm các quy định về báo cáo, cung cấp thông tin, số liệu về BHYT;
- e) Vi phạm các quy định về thanh tra, kiểm tra, cản trở hoạt động quản lý nhà nước về BHYT.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Lạm dụng dịch vụ y tế là việc chỉ định và sử dụng thuốc, hóa chất, vật tư y tế, dịch vụ kỹ thuật và các dịch vụ y tế khác trong khám bệnh, chữa bệnh quá mức cần thiết so với các quy định về chuyên môn kỹ thuật y tế làm thiệt hại đến người bệnh có thẻ BHYT, quỹ BHYT và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Thông tin trên thẻ BHYT liên quan đến quyền lợi và mức hưởng BHYT là thông tin được quy định bằng số, ký hiệu, ký tự, hoặc hình thức khác trên thẻ BHYT để làm căn cứ xác định về quyền lợi và mức hưởng BHYT đối với từng đối tượng tham gia BHYT.

3. Hành vi cản trở, gây khó khăn là những hành vi không hợp tác, không thực hiện yêu cầu hợp pháp hoặc tự quy định, đưa ra các yêu cầu không hợp pháp trong thực hiện BHYT đối với các bên liên quan đến BHYT.

4. Mức độ vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này là mức độ thiệt hại về tài chính (tính bằng tiền đồng Việt Nam) đối với cá nhân, tổ chức có liên quan đến BHYT.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt, thời hiệu xử phạt, thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

1. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT được áp dụng theo quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính số 44/2002/PL-UBTVQH10 ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Điều 3 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT do người có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại các Điều: 45, 46, 47, 48 và 49 của Nghị định này.

3. Các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng áp dụng trong việc xử phạt vi phạm hành chính về BHYT được xem xét và xử lý theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Điều 6 của Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

4. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT là 12 tháng, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện. Đối với các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến thu, đóng và quản lý, sử dụng quỹ BHYT thì thời hiệu xử phạt là 24 tháng, kể từ ngày xảy ra hành vi vi phạm hành chính. Nếu quá thời hạn nêu trên thì cá nhân, tổ chức vi phạm không bị xử phạt vi phạm nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

5. Trong thời hạn quy định tại khoản 4 Điều này mà cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực BHYT hoặc cố tình trốn tránh, trì hoãn việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu nêu trên, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn việc xử phạt.

6. Đối với cá nhân bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự mà có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án thì bị xử phạt hành chính nếu có dấu hiệu vi phạm hành chính, trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt là 03 tháng, kể từ ngày có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án.

7. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính về pháp luật BHYT nếu sau 12 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT.

Điều 4. Các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Hình thức xử phạt chính

Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT chịu một trong các hình thức xử phạt sau:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền: Mức phạt tiền tối đa xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

2. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT;

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Ngoài các hình thức xử phạt được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn phải chịu áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Thu hồi thẻ BHYT; tạm giữ thẻ BHYT;

b) Buộc truy nộp, hoàn trả số tiền vi phạm theo quy định pháp luật về BHYT vào tài khoản thu của quỹ BHYT trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày giao quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm về đóng BHYT;

c) Buộc nộp số tiền lãi của số tiền BHYT chưa đóng, chậm đóng theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm xử lý vi phạm hành chính;

d) Buộc hoàn trả số tiền vi phạm cho cá nhân, tổ chức bị thiệt hại trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày giao quyết định xử phạt;

đ) Buộc cấp thẻ, cấp lại thẻ, đổi thẻ BHYT đúng quy định;

e) Buộc báo cáo, cung cấp chính xác về thông tin, số liệu về BHYT;

g) Buộc chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền về BHYT.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC PHẠT

Mục 1

VI PHẠM VỀ ĐÓNG, THU BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 5. Hành vi không đóng bảo hiểm y tế của đối tượng có trách nhiệm tham gia bảo hiểm y tế

1. Cảnh cáo;

2. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tham gia BHYT theo quy định pháp luật về BHYT;

b) Buộc nộp số tiền phải đóng vào tài khoản thu của quỹ BHYT.

Điều 6. Hành vi không đóng bảo hiểm y tế cho toàn bộ số người lao động có trách nhiệm tham gia bảo hiểm y tế của người sử dụng lao động

1. Phạt tiền theo các mức sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, khi vi phạm từ 01 đến 10 người lao động;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, khi vi phạm từ 11 đến 50 người lao động;

c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, khi vi phạm từ 51 đến 100 người lao động;

d) Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, khi vi phạm từ 101 đến 500 người lao động;

đ) Từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, khi vi phạm từ 501 đến 1.000 người lao động;

e) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, khi vi phạm từ 1.001 người lao động trở lên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đóng BHYT cho toàn bộ số người lao động có trách nhiệm tham gia BHYT theo quy định pháp luật về BHYT;

b) Buộc hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quyền lợi và mức hưởng BHYT mà đối tượng tham gia BHYT đã phải tự chi trả (nếu có);

c) Buộc nộp số tiền chưa đóng và lãi phát sinh của số tiền chưa đóng, chậm đóng vào tài khoản thu của quỹ BHYT.

Điều 7. Hành vi đóng bảo hiểm y tế không đủ số người có trách nhiệm tham gia bảo hiểm y tế của người sử dụng lao động

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng khi vi phạm không đóng BHYT đối với mỗi người lao động.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đóng đủ số người lao động có trách nhiệm tham gia BHYT theo quy định của pháp luật về BHYT;

b) Buộc hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quyền lợi và mức hưởng BHYT mà đối tượng tham gia BHYT đã phải tự chi trả trong khám bệnh, chữa bệnh (nếu có).

c) Buộc nộp số tiền phải đóng và lãi phát sinh của số tiền phải đóng vào tài khoản thu của quỹ BHYT.

Điều 8. Hành vi đóng bảo hiểm y tế không đủ số tiền phải đóng

1. Phạt tiền theo các mức sau:

a) Từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị dưới 5.000.000 đồng;

b) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;

c) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

d) Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

đ) Từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

e) Từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 60.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng;

g) Từ 12.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 80.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng;

h) Từ 16.000.000 đồng đến 24.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 120.000.000 đồng đến dưới 160.000.000 đồng;

i) Từ 24.000.000 đồng đến 32.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 160.000.000 đồng trở lên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp đầy đủ số tiền phải đóng BHYT cho toàn bộ số người lao động;

b) Buộc nộp số tiền phải đóng và lãi phát sinh của số tiền phải đóng vào tài khoản thu của quỹ BHYT.

Điều 9. Hành vi đưa người không thuộc trách nhiệm quản lý vào danh sách của cơ quan, tổ chức để tham gia bảo hiểm y tế

1. Phạt tiền đối với cơ quan, tổ chức đưa người tham gia BHYT không đúng quy định, theo các mức sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng tính trên mỗi thẻ BHYT đối với trường hợp vi phạm nhưng chưa làm thiệt hại đến quỹ BHYT;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng tính trên mỗi thẻ BHYT đối với trường hợp đã sử dụng trong khám bệnh, chữa bệnh BHYT làm thiệt hại đến quỹ BHYT.

2. Phạt tiền đối với cá nhân tham gia BHYT tại cơ quan, tổ chức không đúng quy định, theo các mức sau:

a) Từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng tính trên mỗi người có thẻ BHYT nhưng chưa sử dụng thẻ BHYT để khám bệnh, chữa bệnh BHYT;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng tính trên mỗi người có thẻ BHYT đã sử dụng thẻ BHYT để khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Thu hồi thẻ BHYT;

b) Buộc hoàn trả số tiền do quỹ BHYT đã chi trả trong khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

Điều 10. Hành vi xác nhận không đúng mức đóng của đối tượng tham gia bảo hiểm y tế

1. Phạt tiền theo các mức sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị dưới 10.000.000 đồng;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

c) Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

d) Từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

đ) Từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 60.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng;

e) Từ 12.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 80.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

g) Từ 16.000.000 đồng đến 24.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng;

h) Từ 24.000.000 đồng đến 32.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 120.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng;

i) Từ 32.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 150.000.000 đồng trở lên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc xác định đúng mức đóng và nộp số tiền phải đóng BHYT đúng quy định cùng lãi phát sinh của số tiền chưa đóng vào tài khoản thu của quỹ BHYT.

Điều 11. Hành vi cấp, chuyển kinh phí từ ngân sách nhà nước để đóng bảo hiểm y tế không đúng số tiền quy định

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và chưa làm thiệt hại đến quỹ BHYT, quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với trường hợp tái phạm nhưng chưa làm thiệt hại đến quỹ BHYT, quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT.

3. Phạt tiền đối với trường hợp vi phạm làm thiệt hại đến quỹ BHYT, quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mức vi phạm có số tiền dưới 500.000.000 đồng;

b) Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mức vi phạm có số tiền từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

c) Từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với mức vi phạm có số tiền từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;

d) Từ 8.000.000 đồng đến 16.000.000.000 đồng đối với mức vi phạm có số tiền từ 5.000.000.000 đồng trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cấp, chuyển kinh phí đầy đủ theo mức đóng và số đối tượng tham gia BHYT;

b) Buộc hoàn trả số tiền vi phạm, kể cả tiền lãi phát sinh vào tài khoản thu của quỹ BHYT (nếu có).

Điều 12. Hành vi cấp, chuyển kinh phí từ ngân sách nhà nước sau khi có đủ thủ tục đề nghị cấp, chuyển kinh phí theo quy định để đóng bảo hiểm y tế chậm hơn thời gian quy định 30 ngày

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của quỹ BHYT, đối tượng tham gia BHYT.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với trường hợp tái phạm nhưng chưa làm thiệt hại đến quỹ BHYT, quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT.

3. Phạt tiền đối với trường hợp vi phạm làm thiệt hại đến quyền lợi của quỹ BHYT, đối tượng tham gia BHYT theo các mức sau:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị dưới 500.000.000 đồng;

b) Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

c) Từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng;

d) Từ 8.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 10.000.000.000 đồng trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cấp, chuyển kinh phí đóng BHYT đúng thời gian quy định;

b) Buộc hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quyền lợi và mức hưởng BHYT mà đối tượng tham gia BHYT đã phải tự chi trả (nếu có);

c) Buộc chuyển số tiền lãi của số tiền chậm chuyển vào tài khoản thu của quỹ BHYT (nếu có) trong 10 ngày kể từ ngày giao quyết định xử phạt.

Mục 2 **VI PHẠM VỀ CẤP THẺ, CẤP LẠI THẺ, ĐỔI THẺ** **VÀ SỬ DỤNG THẺ BẢO HIỂM Y TẾ**

Điều 13. Hành vi lập và chuyển danh sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thuộc trách nhiệm quản lý chậm hơn thời gian quy định

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với trường hợp tái phạm nhưng chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT.

3. Phạt tiền đối với trường hợp vi phạm làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT theo các mức sau:

a) Từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng trong trường hợp chậm dưới 10 ngày làm việc theo quy định;

b) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng trong trường hợp chậm từ 10 ngày làm việc trở lên theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lập và chuyển kịp thời danh sách đối tượng tham gia BHYT theo quy định;

b) Buộc hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quyền lợi và mức hưởng BHYT mà đối tượng tham gia BHYT đã phải tự chi trả (nếu có).

Điều 14. Hành vi lập và chuyển danh sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thuộc trách nhiệm quản lý không đủ số người theo quy định

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với trường hợp tái phạm nhưng chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT.

3. Phạt tiền đối với trường hợp vi phạm làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT, theo các mức sau:

a) Từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với trường hợp danh sách thiếu dưới 50 người;

b) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với trường hợp danh sách thiếu từ 50 người đến dưới 100 người;

c) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trường hợp danh sách thiếu từ 100 người đến dưới 500 người;

d) Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với trường hợp danh sách thiếu từ 500 đến dưới 1.000 người.

đ) Từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với trường hợp danh sách thiếu từ 1.000 người trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lập và chuyển đủ danh sách số đối tượng tham gia BHYT theo quy định;

b) Buộc hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quyền lợi và mức hưởng BHYT mà đối tượng tham gia BHYT đã phải tự chi trả (nếu có).

Điều 15. Hành vi cấp thẻ bảo hiểm y tế chậm hơn thời gian quy định

1. Cảnh cáo đối với trường hợp cấp thẻ BHYT chậm dưới 10 ngày làm việc so với thời gian quy định.

2. Phạt tiền đối với trường hợp cấp thẻ BHYT chậm từ 10 ngày làm việc trở lên so với thời gian quy định, theo các mức sau:

a) Từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng khi cấp chậm từ 01 đến dưới 50 thẻ;

b) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với trường hợp cấp chậm từ 50 thẻ đến dưới 100 thẻ;

c) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trường hợp cấp chậm từ 100 thẻ đến dưới 500 thẻ;

d) Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với trường hợp cấp chậm từ 500 đến dưới 1.000 thẻ;

đ) Từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với trường hợp cấp chậm từ 1.000 thẻ trở lên.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cấp thẻ BHYT cho đối tượng tham gia BHYT trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày giao quyết định xử lý vi phạm;

b) Buộc bồi hoàn chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo phạm vi quyền lợi và mức hưởng BHYT mà đối tượng tham gia BHYT đã phải tự chi trả (nếu có).

Điều 16. Hành vi cấp lại, đổi thẻ bảo hiểm y tế chậm hơn thời gian quy định

1. Cảnh cáo đối với trường hợp cấp lại, đổi thẻ BHYT chậm dưới 10 ngày làm việc so với thời gian quy định.

2. Phạt tiền đối với trường hợp cấp lại, đổi thẻ BHYT chậm từ 10 ngày làm việc trở lên so với thời gian quy định, theo các mức sau:

a) Từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với trường hợp cấp lại, đổi thẻ BHYT chậm dưới 50 thẻ;

b) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với trường hợp cấp lại, đổi thẻ BHYT chậm từ 50 thẻ đến dưới 100 thẻ;

c) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trường hợp cấp lại, đổi thẻ BHYT chậm từ 100 thẻ đến dưới 500 thẻ;

d) Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với trường hợp cấp lại, đổi thẻ BHYT chậm từ 500 đến dưới 1.000 thẻ;

đ) Từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với trường hợp cấp lại, đổi thẻ BHYT chậm từ 1.000 thẻ trở lên.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc cấp thẻ BHYT cho đối tượng tham gia BHYT trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày giao quyết định xử lý vi phạm;

b) Buộc hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo phạm vi quyền lợi và mức hưởng BHYT mà đối tượng đã phải tự chi trả (nếu có).

Điều 17. Hành vi phát hành thẻ bảo hiểm y tế không đúng đối tượng được cấp thẻ bảo hiểm y tế

1. Phạt tiền theo các mức sau:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng tính trên mỗi thẻ BHYT nhưng thẻ BHYT chưa sử dụng để khám bệnh, chữa bệnh BHYT;

b) Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng tính trên mỗi thẻ BHYT đã sử dụng để khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Thu hồi thẻ BHYT;

b) Buộc hoàn trả số tiền khám bệnh, chữa bệnh mà quỹ BHYT đã chi trả (nếu có) vào tài khoản thu của quỹ BHYT.

Điều 18. Hành vi phát hành thẻ bảo hiểm y tế sai về quyền lợi, mức hưởng của đối tượng tham gia bảo hiểm y tế

1. Phạt tiền theo các mức sau:

a) Từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng tính trên mỗi thẻ BHYT đối với thẻ BHYT chưa sử dụng để khám bệnh, chữa bệnh BHYT;

b) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng tính trên mỗi thẻ BHYT đã sử dụng để khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Thu hồi thẻ BHYT;

b) Buộc cấp lại thẻ BHYT đúng thông tin liên quan đến quyền lợi và mức hưởng của đối tượng tham gia BHYT;

c) Buộc hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo phạm vi quyền lợi và mức hưởng BHYT mà đối tượng đã phải tự chi trả (nếu có);

d) Buộc hoàn trả số tiền chênh lệch quỹ BHYT đã thanh toán (nếu có) vào tài khoản thu của quỹ BHYT.

Điều 19. Hành vi phát hành thẻ bảo hiểm y tế có giá trị sử dụng không đúng thời gian tham gia của đối tượng tham gia BHYT

1. Phạt tiền theo các mức sau:

a) Từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng tính trên mỗi thẻ BHYT nhưng thẻ BHYT chưa sử dụng để khám bệnh, chữa bệnh BHYT;

b) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng tính trên mỗi thẻ BHYT đã sử dụng để khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Thu hồi thẻ BHYT;

b) Buộc cấp lại thẻ BHYT có giá trị sử dụng đúng quy định;

c) Buộc hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo phạm vi quyền lợi và mức hưởng BHYT mà đối tượng đã phải tự chi trả (nếu có);

d) Buộc hoàn trả số tiền đã sử dụng trong thời gian khám bệnh, chữa bệnh ngoài thời gian có giá trị sử dụng của thẻ BHYT (nếu có) vào tài khoản thu của quỹ BHYT.

Điều 20. Hành vi tẩy xóa, sửa chữa thẻ bảo hiểm y tế để sử dụng trong khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

1. Phạt tiền theo các mức sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm nhưng chưa làm thiệt hại đến quỹ BHYT;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm làm thiệt hại đến quỹ BHYT.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Thu hồi thẻ BHYT;

b) Buộc hoàn trả số tiền đã được quỹ BHYT chi trả (nếu có) vào tài khoản thu của quỹ BHYT.

Điều 21. Hành vi cho người khác mượn thẻ bảo hiểm y tế hoặc sử dụng thẻ bảo hiểm y tế của người khác trong khám bệnh, chữa bệnh

1. Phạt tiền theo các mức sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm nhưng chưa làm thiệt hại đến quỹ BHYT;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm làm thiệt hại đến quỹ BHYT.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Tạm giữ thẻ BHYT trong thời hạn 30 ngày;

b) Người sử dụng thẻ BHYT có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ chi phí khám bệnh, chữa bệnh đã được quỹ BHYT chi trả (nếu có) vào tài khoản thu của quỹ BHYT;

c) Người cho mượn thẻ chỉ được hưởng quyền lợi BHYT sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày thẻ bị tạm giữ và đã nộp phạt theo quy định.

Mục 3

VI PHẠM VỀ TỔ CHỨC

KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH, GIÁM ĐỊNH BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 22. Hành vi lập hồ sơ bệnh án, kê đơn thuốc mà thực tế không có người bệnh nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và mức vi phạm có giá trị dưới 1.000.000 đồng;

2. Phạt tiền theo các mức sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 1.000.000 đồng đến dưới 2.000.000 đồng;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 4.000.000 đồng;

c) Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 4.000.000 đồng đến dưới 8.000.000 đồng;

d) Từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 8.000.000 đồng đến dưới 12.000.000 đồng;

đ) Từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 12.000.000 đồng đến dưới 24.000.000 đồng;

e) Từ 12.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 24.000.000 đồng đến dưới 48.000.000 đồng;

g) Từ 16.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 48.000.000 đồng đến dưới 72.000.000 đồng.

h) Từ 20.000.000 đồng đến 24.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 72.000.000 đồng trở lên

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hoàn trả toàn bộ số tiền vi phạm vào tài khoản thu của quỹ BHYT.

Điều 23. Hành vi kê tăng số lượng hoặc thêm loại thuốc, vật tư y tế, dịch vụ kỹ thuật, chi phí giường bệnh và các chi phí khác mà thực tế người bệnh không sử dụng

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và mức vi phạm có giá trị dưới 1.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với trường hợp tái phạm và mức vi phạm có giá trị dưới 1.000.000 đồng.

3. Phạt tiền theo các mức sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mức độ vi phạm có giá trị 1.000.000 đồng đến dưới 2.000.000 đồng;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mức độ vi phạm có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng;

c) Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mức độ vi phạm có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;

d) Từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với mức độ vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

đ) Từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với mức độ vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;

e) Từ 12.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với mức độ vi phạm có giá trị từ 30.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

g) Từ 16.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mức độ vi phạm có giá trị từ 40.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

h) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mức độ vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

i) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mức độ vi phạm có giá trị từ 60.000.000 đồng trở lên.

4. Khắc phục hậu quả:

- a) Buộc hoàn trả số tiền vi phạm vào tài khoản thu của quỹ BHYT;
- b) Buộc hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo phạm vi quyền lợi và mức hưởng BHYT mà đối tượng đã phải tự chi trả (nếu có).

Điều 24. Hành vi vi phạm về phạm vi quyền lợi được hưởng của đối tượng tham gia bảo hiểm y tế

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và mức vi phạm có giá trị dưới 1.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với trường hợp tái phạm và mức vi phạm có giá trị dưới 1.000.000 đồng.

3. Phạt tiền theo các mức sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị 1.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;

c) Từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 15.000.000 đồng;

d) Từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 15.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

đ) Từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

e) Từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 40.000.000 đồng trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo phạm vi quyền lợi mà đối tượng đã phải tự chi trả (nếu có);

b) Buộc hoàn trả số tiền mà quỹ BHYT bị thiệt hại (nếu có) vào tài khoản thu của quỹ BHYT.

Điều 25. Hành vi vi phạm về mức hưởng bảo hiểm y tế của đối tượng tham gia bảo hiểm y tế

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và mức vi phạm có giá trị dưới 1.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với trường hợp tái phạm và mức vi phạm có giá trị dưới 1.000.000 đồng.

3. Phạt tiền theo các mức sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 1.000.000 đồng đến dưới 2.000.000 đồng;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng;

c) Từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;

d) Từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

đ) Từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

e) Từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 40.000.000 đồng trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mức hưởng BHYT mà đối tượng đã phải tự chi trả (nếu có);

b) Buộc hoàn trả số tiền mà quỹ BHYT bị thiệt hại (nếu có) vào tài khoản thu của quỹ BHYT.

Điều 26. Hành vi cung ứng thuốc, hóa chất, vật tư y tế, dịch vụ kỹ thuật không đầy đủ trong khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và mức vi phạm có giá trị dưới 1.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với trường hợp tái phạm và mức vi phạm có giá trị dưới 1.000.000 đồng.

3. Phạt tiền theo các mức sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 1.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

c) Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

d) Từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 40.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng;

đ) Từ 8.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 80.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng;

e) Từ 16.000.000 đồng đến 32.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 120.000.000 đồng đến dưới 160.000.000 đồng;

g) Từ 32.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 160.000.000 đồng trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cung ứng đầy đủ thuốc, hóa chất, vật tư y tế, dịch vụ kỹ thuật đầy đủ theo quy định;

b) Buộc hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh mà đối tượng đã phải tự chi trả (nếu có).

Điều 27. Hành vi lạm dụng dịch vụ y tế trong khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và mức vi phạm có giá trị dưới 1.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với trường hợp tái phạm và mức vi phạm có giá trị dưới 1.000.000 đồng.

3. Phạt tiền theo các mức sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị 1.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;

c) Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

d) Từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

đ) Từ 8.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 40.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng;

e) Từ 16.000.000 đồng đến 32.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng;

g) Từ 32.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 80.000.000 đồng trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hoàn trả số tiền mà đối tượng tham gia BHYT bị thiệt hại (nếu có);

b) Buộc hoàn trả số tiền đã vi phạm vào tài khoản thu của quỹ BHYT (nếu có).

Điều 28. Hành vi áp sai về giá, ghi sai chủng loại, đơn vị, tên dịch vụ kỹ thuật trong thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

1. Cảnh cáo đối với hành vi vi phạm lần đầu và mức vi phạm có giá trị dưới 1.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với trường hợp tái phạm và mức vi phạm có giá trị dưới 1.000.000 đồng.

3. Phạt tiền theo các mức sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị 1.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;

c) Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

d) Từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

đ) Từ 8.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 40.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng;

e) Từ 16.000.000 đồng đến 32.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 80.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng;

g) Từ 32.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 120.000.000 đồng trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hoàn trả số tiền vi phạm vào tài khoản thu của quỹ BHYT;

b) Buộc hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo phạm vi quyền lợi và mức hưởng BHYT mà đối tượng đã phải tự chi trả (nếu có).

Điều 29. Hành vi xác định quyền lợi trong khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế sai với thông tin trên thẻ bảo hiểm y tế

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và mức vi phạm có giá trị dưới 1.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với trường hợp tái phạm và mức vi phạm có giá trị dưới 1.000.000 đồng.

3. Phạt tiền theo các mức sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị 1.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;

c) Từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 15.000.000 đồng;

d) Từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 15.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

đ) Từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

e) Từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 40.000.000 đồng trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo phạm vi quyền lợi mà đối tượng đã phải tự chi trả (nếu có);

b) Buộc hoàn trả số tiền mà cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị thiệt hại (nếu có);

c) Buộc hoàn trả số tiền vi phạm vào tài khoản thu của quỹ BHYT (nếu có).

Điều 30. Hành vi gây khó khăn, cản trở đến việc khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với trường hợp tái phạm nhưng chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

3. Phạt tiền đối với trường hợp vi phạm làm thiệt hại theo các mức sau:

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị 1.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng;

b) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;

c) Từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 15.000.000 đồng;

d) Từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 15.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

đ) Từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

e) Từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 40.000.000 đồng trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo phạm vi quyền lợi và mức hưởng BHYT mà đối tượng đã phải tự chi trả (nếu có);

b) Buộc hoàn trả số tiền mà cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị thiệt hại (nếu có).

Điều 31. Hành vi vi phạm về quy chế, quy định chuyên môn tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thực hiện giám định bảo hiểm y tế

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT, của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với trường hợp tái phạm nhưng chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc thực hiện đúng các quy chế, quy định;
- b) Buộc hoàn trả số tiền vi phạm cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (nếu có).

Điều 32. Hành vi không công khai, minh bạch khi thực hiện giám định bảo hiểm y tế

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT, của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và quỹ BHYT.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với trường hợp tái phạm nhưng chưa thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và quỹ BHYT.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT, của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc quỹ BHYT.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc thực hiện đúng các quy chế, quy định;
- b) Buộc hoàn trả số tiền vi phạm cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (nếu có);
- c) Buộc hoàn trả số tiền vi phạm cho đối tượng tham gia BHYT (nếu có);
- d) Buộc hoàn trả số tiền vi phạm vào tài khoản thu của quỹ BHYT (nếu có).

Điều 33. Hành vi cản trở công tác giám định bảo hiểm y tế

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT, của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và quỹ BHYT.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với trường hợp tái phạm nhưng chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và quỹ BHYT.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc quỹ BHYT.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc chấp hành việc giám định BHYT theo quy định;
- b) Buộc hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo phạm vi quyền lợi và mức hưởng BHYT mà đối tượng đã phải tự chi trả (nếu có);
- c) Buộc hoàn trả số tiền vi phạm vào tài khoản thu của quỹ BHYT (nếu có).

Điều 34. Hành vi đưa những nội dung trái với quy định của pháp luật vào hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm nhưng chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và quỹ BHYT.

2. Phạt tiền theo các mức sau:

- a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mức độ vi phạm có giá trị dưới 50.000.000 đồng;
- b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mức độ vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;
- c) Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với mức độ vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;
- d) Từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mức độ vi phạm có giá trị từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;
- đ) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mức độ vi phạm có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng;
- e) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mức độ vi phạm có giá trị từ 10.000.000.000 đồng trở lên.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc hủy bỏ các nội dung trong hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh BHYT trái với quy định;
- b) Buộc hoàn trả số tiền vi phạm (nếu có) vào tài khoản thu của quỹ BHYT;
- c) Buộc hoàn trả số tiền cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị thiệt hại (nếu có);

d) Buộc hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo phạm vi quyền lợi và mức hưởng BHYT mà đối tượng đã phải tự chi trả (nếu có).

Điều 35. Hành vi đơn phương dừng hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu nhưng chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của người tham gia BHYT, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và quỹ BHYT.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với trường hợp tái phạm nhưng chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của người tham gia BHYT, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và quỹ BHYT.

3. Phạt tiền đối với trường hợp vi phạm làm thiệt hại đến quyền lợi của người tham gia BHYT, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc quỹ BHYT, theo các mức sau:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị dưới 50.000.000 đồng;

b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

c) Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

d) Từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;

đ) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng;

e) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 10.000.000.000 đồng trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đúng nội dung hợp đồng đã ký;

b) Buộc thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh BHYT;

c) Buộc hoàn trả số tiền thiệt hại vào tài khoản thu của quỹ BHYT hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (nếu có);

d) Buộc hoàn trả số tiền mà đối tượng tham gia BHYT bị thiệt hại (nếu có).

Mục 4
VI PHẠM VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 36. Hành vi tạm ứng, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không đúng số tiền theo quy định

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và mức vi phạm có giá trị dưới 20.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với trường hợp tái phạm và mức vi phạm có giá trị dưới 20.000.000 đồng.

3. Phạt tiền theo các mức sau:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng dưới 40.000.000 đồng;

b) Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 40.000.000 đồng dưới 80.000.000 đồng;

c) Từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 80.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

d) Từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng dưới 500.000.000 đồng;

đ) Từ 12.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tạm ứng, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT đúng quy định;

b) Buộc hoàn trả số tiền cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị thiệt hại (nếu có).

Điều 37. Hành vi tạm ứng, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chậm hơn thời gian quy định

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đối tượng tham gia BHYT.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trường hợp tái phạm nhưng chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đối tượng tham gia BHYT.

3. Phạt tiền đối với trường hợp vi phạm làm thiệt hại đến quyền lợi của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc đối tượng tham gia BHYT, theo các mức sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp chậm hơn thời gian quy định dưới 30 ngày;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp chậm hơn thời gian quy định từ 30 ngày trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tạm ứng, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT đúng thời gian quy định;

b) Buộc hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo phạm vi quyền lợi và mức hưởng BHYT mà đối tượng đã phải tự chi trả (nếu có).

Điều 38. Hành vi sử dụng quỹ bảo hiểm y tế sai quy định

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm lần đầu và chưa làm thiệt hại đến quỹ BHYT.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trường hợp tái phạm nhưng chưa làm thiệt hại đến quỹ BHYT.

3. Phạt tiền đối với trường hợp vi phạm làm thiệt hại đến quỹ BHYT theo các mức sau:

a) Từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị dưới 50.000.000 đồng;

b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

d) Từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

đ) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 1.000.000.000 đồng trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc sử dụng quỹ BHYT đúng quy định;
- b) Buộc nộp số tiền vi phạm vào tài khoản thu của quỹ BHYT (nếu có).

Mục 5
VI PHẠM VỀ BÁO CÁO, CUNG CẤP THÔNG TIN,
SỐ LIỆU VỀ BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 39. Hành vi báo cáo về thực hiện bảo hiểm y tế không đúng thời gian quy định, không cung cấp số liệu, số liệu cung cấp không chính xác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và chưa làm ảnh hưởng đến công tác quản lý, tổ chức thực hiện và xây dựng chính sách BHYT.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trường hợp tái phạm nhưng chưa làm ảnh hưởng đến công tác quản lý, tổ chức thực hiện và xây dựng chính sách BHYT.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm làm ảnh hưởng đến công tác quản lý, tổ chức thực hiện và xây dựng chính sách BHYT.

4. Khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đúng các quy định về báo cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Buộc cung cấp đầy đủ, chính xác về nội dung, đúng biểu mẫu, đúng về số liệu trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày giao quyết định xử phạt.

Điều 40. Hành vi không cung cấp, cung cấp sai lệch thông tin, cung cấp không kịp thời thông tin về đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, quỹ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và chưa làm thiệt hại đến quỹ khám bệnh, chữa bệnh BHYT được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với trường hợp tái phạm nhưng chưa làm thiệt hại đến quỹ khám bệnh, chữa bệnh BHYT được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

3. Phạt tiền đối với trường hợp vi phạm làm thiệt hại đến quỹ khám bệnh, chữa bệnh BHYT được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, theo các mức sau:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị dưới 50.000.000 đồng;

b) Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng dưới 100.000.000 đồng;

c) Từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Từ 8.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 200.000.000 đồng trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cung cấp đầy đủ, chính xác về đối tượng tham gia BHYT, quỹ khám bệnh, chữa bệnh BHYT được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 41. Hành vi không cung cấp, cung cấp không đầy đủ, sai lệch thông tin trong giải quyết quyền lợi của người bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc thanh toán trực tiếp đối với đối tượng tham gia bảo hiểm y tế

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với trường hợp tái phạm nhưng chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT.

3. Phạt tiền 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cung cấp đầy đủ, chính xác về nội dung thông tin liên quan đến việc giải quyết quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc thanh toán trực tiếp đối với đối tượng tham gia BHYT;

b) Buộc hoàn trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo phạm vi quyền lợi và mức hưởng BHYT mà đối tượng tham gia BHYT đã phải tự chi trả (nếu có).

Điều 42. Hành vi gửi báo cáo quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế chậm hơn thời gian quy định

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu.

2. Phạt tiền đối với trường hợp tái phạm theo các mức sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp chậm hơn thời gian quy định dưới 15 ngày;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp chậm hơn thời gian quy định từ 15 ngày trở lên.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc gửi báo cáo quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT đúng thời gian quy định.

Mục 6
VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ THANH TRA, KIỂM TRA CẢN TRỞ
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 43. Hành vi không chấp hành hoặc cản trở việc thanh tra, kiểm tra thực hiện các quy định pháp luật về bảo hiểm y tế

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu.
2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trường hợp tái phạm.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 44. Hành vi không chấp hành quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Cảnh cáo đối với trường hợp vi phạm lần đầu và chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và quỹ BHYT.
2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với trường hợp tái phạm nhưng chưa làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT, và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và quỹ BHYT.
3. Phạt tiền đối với trường hợp vi phạm làm thiệt hại đến quyền lợi của đối tượng tham gia BHYT, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc quỹ BHYT theo các mức sau:
 - a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị dưới 20.000.000 đồng;
 - b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;
 - c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 40.000.000 đồng đến dưới 80.000.000 đồng;
 - d) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 80.000.000 đồng đến dưới 160.000.000 đồng;

đ) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mức vi phạm có giá trị từ 160.000.000 đồng trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc chấp hành quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ;
- b) Buộc hoàn trả số tiền thiệt hại đối với cá nhân, tổ chức (nếu có).

Chương III **THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

Điều 45. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT thuộc phạm vi quản lý, như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền xử phạt:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT có giá trị đến 2.000.000 đồng;
 - d) Thu hồi, tạm giữ thẻ BHYT.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xử phạt:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT;
 - d) Thu hồi, tạm giữ thẻ BHYT;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT;

d) Thu hồi, tạm giữ thẻ BHYT;

đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

Điều 46. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế của Thanh tra y tế

1. Thanh tra viên y tế khi thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT có giá trị đến 2.000.000 đồng;

d) Thu hồi, tạm giữ thẻ BHYT;

đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

2. Chánh thanh tra Sở Y tế có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT;

d) Thu hồi, tạm giữ thẻ BHYT;

đ) Buộc thực hiện và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

3. Chánh thanh tra Bộ Y tế có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT;

d) Thu hồi, tạm giữ thẻ BHYT;

đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

Điều 47. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về chế độ tài chính đối với bảo hiểm y tế, quỹ bảo hiểm y tế của Thanh tra tài chính

1. Thanh tra viên tài chính khi thi hành công vụ trong phạm vi chức năng của mình có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT có giá trị đến 2.000.000 đồng;

d) Thu hồi, tạm giữ thẻ BHYT;

đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

2. Chánh thanh tra Sở Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT;

d) Thu hồi, tạm giữ thẻ BHYT;

đ) Buộc thực hiện và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

3. Chánh thanh tra Bộ Tài chính:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT;

d) Thu hồi, tạm giữ thẻ BHYT;

đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

Điều 48. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế của các cơ quan khác

1. Ngoài thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 45 và Điều 46 và Điều 47 của Nghị định này, người có thẩm quyền khác theo quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính trong chức năng, nhiệm vụ được giao mà phát hiện các hành vi vi phạm hành chính quy định trong Nghị định này, thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý của mình thì có quyền xử phạt.

2. Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử lý của nhiều cơ quan thì việc xử lý do cơ quan thụ lý đầu tiên thực hiện.

3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh, cấp huyện trong quá trình tổ chức thực hiện BHYT mà phát hiện các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT có trách nhiệm lập biên bản và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định. Khi nhận được biên bản vi phạm hành chính và văn bản đề nghị xử phạt của Bảo hiểm xã hội, trong thời gian 10 ngày cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xử lý hành vi vi phạm theo quy định.

Điều 49. Ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính

Trong trường hợp những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 45, Điều 46, Điều 47 và Điều 48 của Nghị định này vắng mặt thì cấp phó được ủy quyền, có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 50. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính và chấp hành quyết định xử phạt

1. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính và chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT được áp dụng theo Pháp lệnh số 44/2002/PL-UBTVQH10 ngày 02 tháng 7 năm 2002 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Xử lý vi phạm hành chính; Pháp lệnh số 04/2008/UBTVQH12 ngày 02 tháng 4 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều Pháp lệnh số 44/2002/PL-UBTVQH10 ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Nghị định số 128/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính số 04/2008/UBTVQH12 ngày 02 tháng 4 năm 2008.

2. Mẫu biên bản, mẫu các quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 51. Trích tiền từ tài khoản tiền gửi của cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng bảo hiểm y tế để nộp số tiền chưa đóng và lãi của số tiền này vào quỹ bảo hiểm y tế

1. Hết thời hạn 10 ngày kể từ ngày được giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng BHYT không tự nguyện truy nộp hoặc đã truy nộp nhưng chưa đủ số tiền BHYT chưa đóng, chậm đóng và lãi phát sinh của số tiền chưa đóng, chậm đóng vào quỹ BHYT thì người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính yêu cầu ngân hàng, kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng trích tiền từ tài khoản tiền gửi của cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng BHYT để nộp số tiền chưa đóng, chậm đóng và lãi phát sinh của số tiền chưa đóng, chậm đóng vào tài khoản thu của quỹ BHYT.

2. Người có thẩm quyền yêu cầu ngân hàng, kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng trích tiền từ tài khoản tiền gửi của cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng BHYT theo quy định tại khoản 1 Điều này là:

- a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- c) Chánh thanh tra Sở Y tế;
- d) Chánh thanh tra Bộ Y tế;
- đ) Chánh thanh tra Sở Tài chính;
- e) Chánh thanh tra Bộ Tài chính;
- g) Người có thẩm quyền khác theo quy định.

3. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục trích tiền từ tài khoản tiền gửi của cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng BHYT theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 52. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011.

Điều 53. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Y tế có trách nhiệm tổ chức, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức và thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b). *XH 290*

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục
DANH MỤC MỘT SỐ MẪU BIÊN BẢN
VÀ QUYẾT ĐỊNH SỬ DỤNG TRONG XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC BẢO HIỂM Y TẾ
(Ban hành kèm theo Nghị định số 92/2011/NĐ-CP
ngày 17 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ)

1. Mẫu Quyết định số 01: Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền
2. Mẫu Quyết định số 02: Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt cảnh cáo về vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế
3. Mẫu Quyết định số 03: Quyết định Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính
4. Mẫu Quyết định số 04: Quyết định Cường chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế
5. Mẫu Biên bản số 05: Biên bản Vi phạm hành chính về bảo hiểm y tế

Mẫu Quyết định số 01

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh – Phúc

Số: /QĐ-XPHC

.....A², ngày tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền

Căn cứ Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ ĐiềuNghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế³;

Xét hành vi vi phạm do⁴ thực hiện;

Tôi:.....⁵; chức vụ:.....;

Đơn vị:.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

Ông (Bà)/Tổ chức⁶

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh thư nhân dân số/quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh:.....

Cấp ngày..... Tại.....

Bằng hình thức phạt tiền với mức phạt là:..... đồng.

(ghi bằng chữ:.....).

¹ Nếu Quyết định xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh, xã mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Địa danh hành chính cấp tỉnh

³ Ghi cụ thể Điều, khoản, ... của Nghị định Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế.

⁴ Ghi cụ thể tên người /đại diện tổ chức vi phạm.

⁵ Họ tên người ra quyết định xử phạt.

⁶ Nếu là tổ chức, ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

Lý do:

Đã có hành vi vi phạm hành chính ⁷..... quy định tại điểm..... khoảnĐiềucủa Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế⁸.

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm:

.....
.....

Điều 2. Ông (Bà) /Tổ chứcphải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt là ngày....tháng....năm ...trừ trường hợp ⁹.....Quá thời hạn này, nếu Ông (Bà) /Tổ chứccố tình không chấp hành Quyết định này thì bị cưỡng chế thi hành.

Số tiền phạt quy định tại Điều 1 phải nộp ngay cho người ra quyết định xử phạt và được nhận biên lai thu tiền phạt hoặc điểm thu phạt số ¹⁰.....Kho bạc nhà nướctrong vòng mười ngày kể từ ngày giao Quyết định xử phạt.

Ông (Bà)/tổ chức.....có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký

Quyết định này được giao cho:

- 1. Ông (Bà)/Tổ chức.....để chấp hành;
- 2. Kho bạc.....để thu phạt;
- 3.....

Quyết định này gồmtrang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁷ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.
Ghi cụ thể từng Điều khoản, mức phạt của Nghị định Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế.

⁸ Ghi cụ thể từng Điều khoản, mức phạt của Nghị định Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế.

⁹ Ghi rõ lý do.

¹⁰ Ghi rõ tên, địa chỉ kho bạc.

Mẫu Quyết định số 02

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh – Phúc

Số: /QĐ-XPHC

.....A², ngày Tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt cảnh cáo về vi phạm
hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế**

Căn cứ Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ ĐiềuNghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế³;

Xét hành vi vi phạm dothực hiện;

Tôi:.....⁴; chức vụ:.....;

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt cảnh cáo đối với:

Ông (Bà)/Tổ chức⁵

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh thư nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh:.....

Cấp ngày..... Tại.....

¹ Nếu Quyết định xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh, xã mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Ghi cụ thể Điều, khoản, ... của Nghị định Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế.

⁴ Họ tên người ra quyết định xử phạt.

⁵ Ghi cụ thể tên người /đại diện tổ chức vi phạm.

Lý do:

Đã có hành vi vi phạm hành chính ⁶ quy định tại điểm..... khoảnĐiềucủa Nghị định số...../...../ND-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế ⁷.

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm:

.....
.....
.....
.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký

Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (Bà)/Tổ chức ⁸ để chấp hành;

2.....
.....

Quyết định này gồm trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁶ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

⁷ Ghi cụ thể Điều, khoản, mức phạt của Nghị định Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế.

⁸ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

Mẫu Quyết định số 03

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh – Phúc

.....A², ngày tháng ... năm ...

Số: /QĐ-XPHC

QUYẾT ĐỊNH

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

Căn cứ ĐiềuPháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ ĐiềuNghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế;

Xét³

.....

.....

Tôi⁴:..... chức vụ:.....;

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Tịch thu: Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của:

Ông (Bà)/Tổ chức⁵

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:.....

Địa chỉ:.....

¹ Nếu Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh, xã mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Ghi rõ lý do tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính như để xác minh tình tiết làm căn cứ để quyết định để xử lý vi phạm hành chính hoặc ngăn chặn hành vi vi phạm. Nếu người tạm giữ không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính thì phải ghi rõ thêm căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có thể bị tẩu tán, tiêu hủy..

⁴ Họ tên người ra quyết định xử phạt.

⁵ Ghi cụ thể tên người /đại diện tổ chức vi phạm.

Giấy chứng minh thư nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh:.....

Cấp ngày..... Tại.....

Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính gồm:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký

Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (Bà)/Tổ chức ⁶..... để chấp hành;

2.....

Quyết định này gồmtrang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁶ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

Mẫu Quyết định số 04

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN ¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh – Phúc

Số: /QĐ-CC

.....A ², ngày tháng ... năm ...**QUYẾT ĐỊNH**

**Cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực bảo hiểm y tế**

Căn cứ Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Để đảm bảo thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế sốngàythángnămcủa

Tôi:.....³ chức vụ:.....;

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số ngày tháng năm của đối với:

Ông (Bà)/Tổ chức ⁴.....

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh thư nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh:.....

Cấp ngày..... Tại.....

¹ Nếu cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh, xã mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Họ tên người ra quyết định cưỡng chế.

⁴ Ghi cụ thể tên người /đại diện tổ chức vi phạm.

Biện pháp cưỡng chế⁵
.....
.....
.....
.....

Điều 2. Ông (Bà)/Tổ chức..... phải
nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này và chịu mọi phí tổn về việc
tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....

Quyết định này gồmtrang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Quyết định này được gửi cho:

Ông (Bà)/Tổ chức⁶.....

Ông (Bà)/Tổ chức

Ông (Bà)/Tổ chức

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁵ Nếu biện pháp cưỡng chế là khấu trừ lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng thì quyết định được gửi cho cơ quan, tổ chức nơi cá nhân làm việc hoặc ngân hàng để phối hợp thực hiện.

⁶ Nếu biện pháp cưỡng chế là kê biên tài sản hoặc các biện pháp cưỡng chế khác để thực hiện tịch thu tang vật, phương tiện để vi phạm hành chính, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra thì Quyết định được gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện việc cưỡng chế để phối hợp thực hiện.

Mẫu Biên bản số 05

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh – Phúc

.....A², ngày tháng ... năm ...

BIÊN BẢN
Vi phạm hành chính về bảo hiểm y tế

Hôm nay, hồi.....ngày.....tháng.....năm....., tại.....

Chúng tôi gồm³:

1. Chức vụ:.....;

2. Chức vụ:.....;

Với sự chứng kiến của⁴:

1. Ông (Bà).....Nghề nghiệp:..... Chức vụ:.....;

Địa chỉ thường trú (tạm trú) tại:.....

2. Ông (Bà)..... Nghề nghiệp:..... Chức vụ:.....;

Địa chỉ thường trú (tạm trú) tại:.....

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về bảo hiểm y tế đối với:

Ông (Bà)/Tổ chức⁵.....

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh thư nhân dân số/quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh:.....

Cấp ngày..... Tại.....

Đã có các hành vi vi phạm hành chính như sau⁶:

.....
.....

¹ Nếu Quyết định xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh, xã mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Ghi rõ họ tên người lập biên bản

⁴ Họ tên người làm chứng, nếu có đại diện chính quyền địa phương phải ghi rõ chức vụ.

⁵ Nếu là tổ chức ghi rõ họ tên, chức vụ người đại diện tổ chức vi phạm.

⁶ Ghi rõ cụ thể ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; mô tả hành vi vi phạm.

Đã có các hành vi vi phạm vào điểm..... khoảnĐiềucủa Nghị định số...../...../ND-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế ⁷.

Người bị thiệt hại/tổ chức bị thiệt hại ⁸:

Họ tên:.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh thư nhân dân số/quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh:.....

Cấp ngày..... Tại.....

Ý kiến trình bày của người vi phạm hành chính/tổ chức vi phạm hành chính:.....

Ý kiến của người làm chứng:

Ý kiến trình bày của người bị thiệt hại/tổ chức bị thiệt hại (nếu có):

.....⁹ đã yêu cầu Ông (Bà)/tổ chức.....
đình chỉ ngay hành vi vi phạm nêu trên.

Các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính được áp dụng gồm:

.....
.....

Chúng tôi tạm giữ những tang vật, phương tiện, vi phạm hành chính và các giấy tờ sau để chuyển vềgiải quyết.

Thứ tự	Tên tang vật, phương tiện, giấy tờ, thẻ BHYT... bị tạm giữ	Số Lượng	Chung loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng ¹⁰	Ghi chú ¹¹

⁷ Ghi cụ thể Điều, khoản, của Nghị định Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế

⁸ Nếu là tổ chức ghi rõ họ tên, chức vụ người đại diện tổ chức vi phạm.

⁹ Ghi rõ tên của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền xử phạt.

¹⁰ Nếu là phương tiện thì ghi số đăng ký, nếu là ngoại tệ thì ghi số seri của từng tờ.

¹¹ Ghi rõ tang vật có được niêm phong không? Nếu có niêm phong thì phải có chữ ký của người vi phạm (tổ chức vi phạm), có sự chứng kiến của gia đình, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền không, nếu không có phải ghi rõ có sự chứng kiến của Ông (Bà)

Ngoài những tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và các giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Yêu cầu Ông (bà)/Tổ chức vi phạm có mặt tại ¹²..... để giải quyết vụ vi phạm.

Biên bản được lập thành bản có nội dung và giá trị như nhau, được giao cho người vi phạm hành chính /tổ chức vi phạm một bản và ¹³.....

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung Biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào Biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ¹⁴:

Biên bản này gồm trang, được những người có mặt cùng ký xác nhận vào các trang.

**NGƯỜI VI PHẠM
(HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ
CHỨC VI PHẠM)**
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**NGƯỜI BỊ THIẾT HẠI
(HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ
CHỨC BỊ THIẾT HẠI)**
(Ký, ghi họ và tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**ĐẠI DIỆN CHÍNH
QUYỀN (NẾU CÓ)**
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Lý do người vi phạm hành chính/tổ chức vi phạm không ký Biên bản

Lý do Người bị thiệt hại/tổ chức bị thiệt hại không ký biên bản

¹² Ghi rõ địa chỉ, trụ sở nơi cá nhân, tổ chức vi phạm phải có mặt.

¹³ Ghi cụ thể người, tổ chức được giao biên bản.

¹⁴ Những người có ý kiến khác với nội dung của Biên bản phải ghi rõ ý kiến của mình, lý do có kiến khác, ký ghi rõ họ tên.